TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2019/HNGĐ- ST
Ngày 16/10/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Đinh Khắc Việt**
2. Bà Phạm Thị Thu Trang
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 09 năm 2019 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Võ Thị Thu D,** sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T L, xã T A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn**: Anh Nguyễn Văn T,** sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T L, xã T A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Võ Thị Thu D trình bày: tôi và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã T A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 09/06/2015. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 12 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên đi uống rượu, về đến nhà thì anh T ghen tuông vô cớ nên vợ chồng có lời qua tiếng lại, thậm chí anh T còn đánh đập tôi, anh T không có trách nhiệm với vợ con, tôi có khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Tôi xét thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/09/2012

2/ Nguyễn Thành N, sinh ngày 24/11/2017

Hiện nay 02 cháu đang chung sống với tôi,

- Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị D yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về quan hệ con chung: tôi xin nhận nuôi 02 con, tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày**: Tòa án đã tống đạt các văn bản cho anh Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Văn T với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Nguyễn Văn T, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị D về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi uống rượu, về đến nhà thì anh T ghen tuông vô cớ nên vợ chồng có lời qua tiếng lại, thậm chí anh T còn đánh đập chị D, anh T không có trách nhiệm với vợ con, chị D có khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị D và anh T đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Vì vậy lời yêu cầu của chị D xin được ly hôn với anh T được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** Chị D xin nhận nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/09/2012 và cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 24/11/2017, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/09/2012 và cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 24/11/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do hiện nay cháu Nguyễn Minh T 07 tuổi và nguyện vọng của cháu T là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu sẽ sống với mẹ và cháu Nguyễn Thành N 23 tháng tuổi, cháu N còn quá nhỏ nên rất cần sự trông nom, chăm sóc của người mẹ và từ lúc chị D và anh T sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay thì cháu N luôn được chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đầy đủ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nguyễn Thành N cho chị D trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung**: Do chị D và anh T không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: chị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003540 ngày 26/08/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị D đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Thị Ngọc D và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/09/2012 và cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 24/11/2017 cho chị Võ Thị Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị Ngọc D nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003540 ngày 26/08/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Võ Thị Ngọc D biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Nguyễn Văn T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật